

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 17- 01- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Xuân Thảo.
- Ông Nguyễn Tấn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa:
Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 48/2024/TLST-KDTM ngày 22/3/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 907/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 546/QĐST-KDTM ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: A N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Địa chỉ: Số H P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Lưu Ngọc T1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: B N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Lưu Ngọc T1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: B N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự của nguyên đơn trình bày:

Qua quen biết với ông Trần Lưu Ngọc T1 (gọi tắt là ông T1) là chủ sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (gọi tắt là Công ty Đ). Ngày 10/01/2023, ông và Công ty Đ đã ký kết hợp đồng góp vốn với nội dung:

Tổng giá trị ông góp vốn cho Công ty Đ là 10.000.000.000đ.

Thời hạn góp vốn: thời hạn 365 ngày, thời gian gia hạn không quá 90 ngày.

Tỷ lệ phân chia lợi nhuận: Ông được hưởng lãi suất 2.95% trên dư nợ gốc (lãi suất theo dư nợ giảm dần) theo thỏa thuận ban đầu. Dư nợ tạm tính đến ngày 10/01/2023 là 10.000.000.000đ.

Thời gian đầu thì Công ty Đ luôn trả đầy đủ lợi nhuận và đúng thời hạn theo hợp đồng góp vốn. Nhưng từ tháng 3/2023 đến nay Công ty Đ đã trốn tránh nghĩa vụ trả lợi nhuận cho ông. Sau nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty Đ hoàn lại số tiền đã góp vốn, Công ty Đ hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Đ trả lại cho ông số tiền gốc là 10.000.000.000đ mà ông đã góp vốn.

- Buộc Công ty Đ trả cho ông tiền lợi nhuận từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2023 là 2.360.000.000đ.

Tổng số tiền là 12.360.000.000đ.

Ngày 29/11/2024, ông T nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Đ trả cho ông tiền lợi nhuận từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2023 là 2.360.000.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết cho ông Trần Lưu Ngọc T1 là đại diện pháp luật của bị đơn - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ gồm: Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập để tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T1 đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa.

Ông Trần Lưu Ngọc T1 vắng mặt.

Ông Nguyễn Thế T là nguyên đơn trình bày:

Qua quen biết với ông T1 là chủ sở hữu của Công ty Đ, ngày 10/01/2023 ông và Công ty Đ đã ký kết hợp đồng góp vốn với nội dung:

Tổng giá trị ông góp vốn cho Công ty Đ là 10.000.000.000đ.

Thời hạn góp vốn: thời hạn 365 ngày, thời gian gia hạn không quá 90 ngày.

Tỷ lệ phân chia lợi nhuận: Ông được hưởng lãi suất 2.95% trên dư nợ gốc (lãi suất theo dư nợ giảm dần) theo thỏa thuận ban đầu. Dư nợ tạm tính đến ngày

10/01/2023 là 10.000.000.000đ.

Ông bắt đầu góp vốn cho Công ty Đ từ ngày 04/4/2021 đến ngày 30/12/2022, tổng số tiền ông góp vốn cho Công ty Đ là 10.000.000.000đ. Hình thức góp vốn là chuyển khoản và giao tiền mặt cho ông T1, cụ thể là:

Tiền chuyển khoản là: 9.700.000.000đ.

Tiền mặt là 300.000.000đ.

Thời gian đầu thì Công ty Đ luôn trả đầy đủ lợi nhuận và đúng thời hạn theo hợp đồng góp vốn. Từ tháng 3/2023 đến nay Công ty Đ đã trốn tránh nghĩa vụ trả lợi nhuận cho ông. Sau nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty Đ hoàn lại số tiền đã góp vốn, Công ty Đ hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Lý do ông chuyển tiền cho Công ty Đ từ năm 2021 nhưng đến năm 2023 mới làm hợp đồng là vì: trước đây ông đã góp vốn cho Công ty Đ để lấy lãi, nhưng sau này hai bên rút lại số tiền góp vốn là 10.000.000.000đ, nên ngày 10/01/2023 mới làm hợp đồng góp vốn.

Ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc là 300.000.000đ.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Đ trả lại cho ông số tiền gốc là 9.700.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa.

Về nội dung

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T về việc buộc Công ty Đ trả số tiền 9.700.000.000đ; đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Đ trả tiền lãi từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2023 là 2.360.000.000đ và tiền gốc là 300.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Đ do Sở kế hoạch và đầu tư và đầu tư Thành phố H cung cấp cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình thể hiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có địa chỉ tại số H P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xác định quan hệ tranh chấp

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 của nguyên đơn, Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp vốn. Tuy nhiên, khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp quy định "Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập". Nhưng theo nội dung của hợp đồng thể hiện ông T cho Công ty Đ vay 10.000.000.000đ, lãi suất 2.95% trên dư nợ gốc, thời hạn vay 365 ngày. Nhận thấy, nội dung thỏa thuận thể hiện ông T giao tài sản cho Công ty Đ, có thời hạn trả và lãi suất, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay sản tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xác định đương sự trong vụ án

Theo nội dung giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 295/2023/UBND-XNTTHN ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: ông Nguyễn Thế T hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai. Theo các chứng từ giao dịch chuyển khoản tại ngân hàng thể hiện thời gian ông T góp vốn là từ năm 2021 đến năm 2023. Tại thời điểm này ông T độc thân, không có vợ. Do đó, Tòa án xác định không có người liên quan là vợ của ông T trong vụ án này.

Theo các chứng từ giao dịch chuyển khoản tại ngân hàng thể hiện ông T đã chuyển số tiền mà Công ty Đ vay đến tài khoản cá nhân của ông Trần Lưu Ngọc T1. Do đó, Tòa án xác định ông Trần Lưu Ngọc T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa

Ông Trần Lưu Ngọc T1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty Đ và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Lần thứ nhất vào ngày 24/12/2024, lần thứ hai ngày 17/01/2025, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về việc rút yêu cầu khởi kiện của ông T

Ngày 29/11/2024, ông T xin rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền lãi đối với Công ty Đ với số tiền 2.360.000.000đ.

Tại phiên tòa, ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền gốc đối với Công ty Đ là 300.000.000đ.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trên.

Về nội dung

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trọng buộc Công ty Đ phải trả cho ông T số tiền 9.700.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ nội dung hợp đồng góp vốn ngày 10/01/2023 giữa ông T và Công ty Đ; lời trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa thể hiện ông T và Công ty Đ có thỏa thuận về việc ông T cho Công ty Đ vay số tiền 10.000.000.000đ, lãi suất 2.95%, thời hạn vay 365 ngày.

Căn cứ bản photo do Tòa án đối chiếu bản chính các giấy nộp tiền tại ngân hàng thể hiện ông T đã chuyển số tiền 9.700.000.000đ qua tài khoản cá nhân của ông T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ông T khởi kiện Công ty Đ.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến tòa để tự khai, hòa giải và xét xử nhưng ông T1 đều vắng mặt.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản như sau:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên cho vay tài sản phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ của bên vay như sau:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Từ những phân tích và căn cứ pháp luật trên thể hiện yêu cầu của ông T là có cơ sở và không trái quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, nên chấp nhận.

[7] Về thời hạn thanh toán

Quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu Công ty Đ phải trả ngay số nợ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của ông T thể hiện Công ty Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, nên việc ông T yêu cầu Công ty Đ phải trả khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở, không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà ông T khởi kiện mà được tòa án chấp nhận. Số tiền án phí mà Công ty Đ phải chịu là 117.700.000đ.

H lại ông T 59.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001448 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, khoản 1 Điều 158, Điều 186, 207, 208, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Nguyễn Thế T.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho ông Nguyễn Thế T số tiền 9.700.000.000đ (chín tỉ bảy trăm triệu đồng), theo Hợp đồng góp vốn ngày 10/01/2023 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ với ông Nguyễn Thế T.

Thời hạn trả: trả ngay một lần số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T với yêu cầu sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ trả số tiền lãi từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2023 là 2.360.000.000đ (hai tỉ ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Công ty Đ phải chịu là 117.700.000đ (một trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn lại ông T 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001448 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang